

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 247/2023/HS-ST
Ngày 28 - 12 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phí Thị Thanh Huyền và bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 235/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2023/QĐXX-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Th**, sinh ngày 14/7/1998; nơi sinh: Tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 02, ngõ 42, phố H, tổ 09, phường Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Lô 21, khu tái định cư C, đường C, phường Q, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Lê Mai H; chồng là anh Bùi Tuấn M và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/10/2023 đến nay, có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1985, (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số nhà 01/557, đường L, tổ 17, phường Q, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do quen biết với nhau từ trước nên ngày 24/10/2022, thông qua tài khoản Facebook, chị Nguyễn Thị Tr hỏi bị cáo Th vay số tiền 100.000.000 đồng mục đích để xây nhà. Bị cáo Th đồng ý và yêu cầu chị Tr chụp căn cước công dân của chị Tr và gửi cho bị cáo. Sau đó bị cáo Th đến nhà chị Tr để gặp chị Tr, cả hai thống nhất: Bị cáo cho chị Tr vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày, mỗi tháng chị Tr trả cho bị cáo số tiền 9.000.000 đồng, thu tiền lãi 1 tháng 1 lần, tương đương lãi suất cho vay là 109,5/năm, trả tiền lãi thông qua chuyển khoản ngân hàng vào ngày cuối cùng của tháng (theo ngày âm lịch). Sau khi thống nhất, cùng ngày 24/10/2022 bị cáo Th sử dụng số tài khoản 157100022 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần AB và số tài khoản 013015933 mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ cùng mang tên Trần Thị Th chuyển khoản 02 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng đến số tài khoản 1185886 mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần QT mang tên Nguyễn Thị Tr để cho chị Tr vay tiền.

Hàng tháng chị Tr sử dụng số tài khoản 1185886 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT, số tài khoản ngân hàng 0978183116 mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, số tài khoản 0211000172 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đều mang tên Nguyễn Thị Tr để trả tiền lãi và trả tiền gốc đến số tài khoản 013015933 mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; số tài khoản 157100022 và 14071998 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần AB cùng mang tên Trần Thị Th cho bị cáo Th. Mọi thông tin trao đổi về việc vay tiền giữa chị Nguyễn Thị Tr và Trần Thị Th đều thực hiện bằng tin nhắn trên ứng dụng Messenger của Facebook. Từ ngày 24/10/2022 đến ngày 05/4/2023 chị Tr đã trả hết số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc và số tiền 49.500.000 đồng tiền lãi cho bị cáo Th. Tổng số tiền bị cáo Th thu lời bất chính từ việc cho chị Tr vay là 40.458.904 đồng.

Tại cơ quan điều tra chị Nguyễn Thị Tr khai như sau: Do cần tiền làm nhà nên ngày 24/10/2022 chị Tr vay của bị cáo Th số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày. Bị cáo cho chị Tr vay tiền bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng 02 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng. Khi vay tiền, chị Tr chỉ gửi ảnh căn cước của chị Tr cho bị cáo để làm tin, hai bên không viết giấy tờ gì. Hàng tháng chị Tr trả 9.000.000.000 đồng tiền lãi cho bị cáo Th bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng từ tài khoản số 1185886 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT, tài khoản số 0978183116 mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và tài khoản số 0211000172 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đều mang tên chị Tr đến tài khoản số 013015933 mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, tài khoản số 157100022 và tài khoản số 14071998 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần AB cùng mang tên Trần Thị Th cho bị cáo Th. Từ ngày 24/10/2022 đến ngày 05/4/2023 chị Tr trả cho bị cáo Th số tiền 49.500.000.000 đồng tiền lãi, ngày 05/4/2023 chị Tr trả cho bị cáo Th số tiền 100.000.000.000 đồng nợ gốc. Sau này bị cáo Th đã trả lại cho chị Tr số tiền 40.458.904 đồng tiền lãi.

Cáo trạng số 244/CT - VKSTPTB ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Trần Thị Th về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo.

Kiểm sát viên luận tội: Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kiểm sát viên phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ, xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị Th từ 60 triệu đồng đến 70 triệu đồng.

- Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị áp dụng biện pháp tư pháp bằng hình thức: Buộc bị cáo nộp lại số tiền 100.000.000 đồng là phương tiện phạm tội và số tiền 9.041.096 đồng là tiền lãi tương ứng lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự để nộp ngân sách nhà nước. Bị cáo được đối trừ số tiền 30.000.000 đồng đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự ngày 28/11/2023.

- Về vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, bị cáo Th sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã đánh mất và cơ quan điều tra không thu giữ được nên không giải quyết tại bản án này.

- Về án phí: Bị cáo Trần Thị Th phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Thị Th xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bị cáo không trình bày lời bào chữa, không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên và Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và đó là các tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên bị cáo không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với Cáo trạng đã truy tố, đồng thời còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Đơn tố giác của công dân khuyết danh; Biên bản về việc mở hòm thư tố giác tội phạm; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Kết quả sao kê các tài khoản ngân hàng, dữ liệu hình ảnh sao chụp lại nội dung tin nhắn Messenger Facebook giữa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cùng các tài liệu, chứng cứ khác chứng minh về hành vi phạm tội của bị cáo thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 24/10/2022 đến ngày 05/4/2023 bị cáo Trần Thị Th đã cho chị Nguyễn Thị Tr vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1 triệu, mỗi tháng chị Tr trả cho bị cáo Trần Thị Th 9.000.000 đồng tiền lãi thông qua chuyển khoản ngân hàng vào ngày cuối cùng của tháng (theo ngày âm lịch). Đến ngày 05/4/2023, chị Nguyễn Thị Tr đã trả toàn bộ nợ gốc 100.000.000 đồng và 49.500.000 đồng tiền lãi cho bị cáo Trần Thị Th. Số tiền bị cáo Trần Thị Th thu lời bất chính là: $49.500.000 \text{ đồng} - (20\% / 365 \times 164 \times 100.000.000 \text{ đồng}) = 40.458.904 \text{ đồng}$. Xét, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, bị cáo biết rõ cho vay tiền với mức lãi suất 3.000 đồng/ngày/1 triệu tương đương lãi suất cho vay là 109,5/năm là vi phạm pháp luật; song, vì người đi vay gặp khó khăn đột xuất về kinh tế mà bị cáo đã lợi dụng để cố ý cho vay tiền với mức lãi suất gấp trên 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Như vậy, hành vi của bị cáo Th phù hợp với dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự, Điều 201 - Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định: *“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm; 2 ...; 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Thị Th đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt của Điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã cố ý xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Bị cáo Th có biết hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì vụ lợi nên vẫn cố tình thực hiện tội phạm nhằm thu lợi bất

chính. Để bảo vệ chế độ quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ nên phải xử lý hình sự đối với tội phạm này để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội trong thời gian mang thai; đã tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người vay; tự nguyện nộp một phần tiền để khắc phục hậu quả nên khi quyết định hình phạt bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội không lớn; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và chưa có tiền án, tiền sự; Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Việc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo là thể hiện chính sách hình sự của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Vì hình phạt chính là tiền nên không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

[7.1] Xét số tiền 100.000.000 đồng bị cáo dùng để cho vay là phương tiện phạm tội, số tiền này người vay đã trả lại cho bị cáo; số tiền 9.041.096 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân Tối cao, cần tịch thu toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng + 9.041.096 đồng = 109.041.096 đồng để nộp ngân sách nhà nước. Đối trừ số tiền 30.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan Thi hành án ngày 28/11/2023 để khắc phục hậu quả, bị cáo còn phải nộp lại số tiền 79.041.000 đồng

[7.2] Xét, ngày 26/11/2023 bị cáo Th đã tự nguyện hoàn trả lại số tiền 40.458.904 đồng cho chị Tr do bị cáo thu lời bất chính, chị Tr đã nhận đủ tiền và không có ý kiến, đề nghị gì về dân sự nên không phải giải quyết tại bản án này.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, bị cáo Th sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã đánh mất và cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả nên không giải quyết tại bản án này.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Th phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thị Th và chị Nguyễn Thị Tr có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân Tối cao.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị Th 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

3. Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

3.1. Buộc bị cáo Trần Thị Th phải nộp lại tổng số tiền 109. 041.096 đồng để nộp ngân sách nhà nước. Bị cáo được đối trừ số tiền 30.000.000 đồng đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 28/11/2023, bị cáo còn phải nộp số tiền 79.041.000 đồng (*bảy mươi chín triệu, không trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

3.2. Không phải giải quyết số tiền thu lời bất chính tại bản án này.

4. Về vật chứng: Không phải giải quyết tại bản án này.

5. Án phí: Buộc bị cáo Trần Thị Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/12/2023. Vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKS tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hân